

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2021/DS-ST
Ngày 09 - 04 -2021
V/v tranh chấp liên quan đến tài sản bị
cưỡng chế để thi hành án.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Đông Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.
2. Ông Phan Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-DS ngày 17 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: ông Trần Văn L, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Văn T, sinh năm: 1974.

2. Bà Ngô Thị K, sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Huỳnh Văn T, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Minh D

Địa chỉ: Khóm W, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp

Có mặt: ông L; vắng mặt ông Trần Văn T, bà K, anh Huỳnh Văn T, Chi cục thi hành án dân sự huyện T lần 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 20/11/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn L trình bày:

Năm 2018 bà Nguyễn Thị Xuân T khởi kiện ông Trần Văn T, bà K về tranh chấp hợp đồng mua bán đòi lại số tiền còn nợ, ngày 05/01/2018 hai bên ký biên bản hòa giải thành, sau đó Tòa án ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số: 04/2018/QĐST-DS ngày 15/01/2018 thì ông Trần Văn T và bà K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền 83.475.000 đồng. Sau khi nhận quyết định của Tòa án bà Nguyễn Thị Xuân T có đơn yêu cầu thi hành án ngày 19/01/2018, Chi cục thi hành án dân sự huyện T ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 486/QĐ-CCTHADS ngày 22/01/2018 cho bà Nguyễn Thị Xuân T.

Trong giai đoạn thi hành án, ông Trần Văn T và bà K tẩu tán tài sản trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Xuân T nên ngày 04/01/2018 đã ký hợp đồng chuyển nhượng QSD đất số CH00933 cấp ngày 21/12/2012 tại thửa 837, tờ bản đồ số 03, diện tích 11.723 m² đất tọa lạc tại xã P, huyện T cho ông Huỳnh Văn T, ngày 05/01/2018 thì hồ sơ được nộp đến bộ phận một cửa của huyện T, đến ngày 25/01/2018 thì ông Huỳnh Văn T được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Việc chuyển nhượng của bị đơn nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án vì Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận ngày 15/01/2018 trước khi ông Huỳnh Văn T được cấp giấy chứng nhận QSD đất 10 ngày. Nay ông L là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Xuân T yêu cầu Tòa án huyện Tam Nông hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Trần Văn T, bà K với ông Huỳnh Văn T đối với diện tích 2.500 m² thuộc một phần thửa 837, tờ bản đồ số 03, trong tổng diện tích 11.723 m² tương đương với số tiền 83.475.000 đồng để thi hành án cho bà Nguyễn Thị Xuân T theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận ngày 15/01/2018 của Tòa án huyện Tam Nông.

- Bị đơn: ông Trần Văn T, bà Ngô Thị K được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng đến nay không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Huỳnh Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có văn bản ý kiến như sau:

Giữ nguyên ý kiến tờ tường trình ngày 16/5/2019 trước đây. Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa anh và vợ chồng ông Trần Văn T, bà K vào năm 2018 là hợp pháp. Trước đây do ông Trần Văn T, bà K thế chấp QSD đất từ Ngân hàng công thương Đồng Tháp không nhớ năm nào với số tiền lâu quá không nhớ. Sau khi trả tiền cho Ngân hàng xong anh Huỳnh Văn T lấy giấy CNQSD đất của ông Trần Văn T, bà K để chuyển quyền sang tên cho anh. Hiện nay Huỳnh Văn T cũng không còn giữ giấy tờ gì về việc trả nợ cho Ngân hàng. Diện tích đất tranh chấp hiện nay Huỳnh Văn T đang quản lý và đã cho ông Trần Văn T thuê lại, về giấy chứng nhận QSD đất hiện nay anh Huỳnh Văn T đang giữ tại nhà. Nay bà Nguyễn Thị Xuân T kiện anh Huỳnh Văn T không đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi cục thi hành án dân sự huyện T, người đại diện theo pháp luật ông Võ Minh D vắng mặt tại phiên tòa có văn bản ý kiến như sau:

Ngày 19/01/2018 ông L là người được ủy quyền của bà Nguyễn Thị Xuân T đến Chi cục Thi hành án dân sự gửi đơn yêu cầu thi hành án, không có đơn yêu cầu kê biên, xử lý tài sản hay yêu cầu ngăn chặn việc tẩu tán tài sản đối với diện tích 11.723m² đất của ông Trần Văn T tại thửa 837, tờ bản đồ số 03, mục đích sử dụng: đất trồng lúa. Căn cứ khoản 1, Điều 44 Luật thi hành án dân sự 2008, được sửa đổi bổ sung 2014; Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì Chấp hành viên tiến hành xác minh.

Ngày 26/01/2018 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T có văn bản số: 10/VPĐKĐĐ về việc cung cấp thông tin tài sản là quyền sử dụng đất diện tích là 11.723m², thửa số 837, tờ bản đồ số 03, vợ chồng ông Trần Văn T, bà K đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn T theo hồ sơ số 000.021CN004 ngày 15/01/2018 đang thực hiện giai đoạn 2 đến ngày 29/01/2018 trả kết quả cho người sử dụng đất.

Sau khi có Văn bản của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện và qua xác minh cụ thể thì ngày 19/01/2018 các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp thuế theo quy định; đến ngày 25/01/2018 đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Huỳnh Văn T.

Như vậy Chi cục Thi hành án dân sự không tiến hành kê biên tài sản trên là do còn trong thời gian tự nguyện thi hành án theo khoản 1, Điều 45 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014. Mặc khác, bà Nguyễn Thị Xuân T cũng không có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp đảm bảo đối với Người phải thi hành án ông Trần Văn T và bà K.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Riêng bị đơn, người liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham dự phiên tòa nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 BLTTDS. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện ủy quyền nguyên đơn khẳng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét và không cung cấp chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị Xuân T có đơn khởi kiện đối với ông Trần Văn T, bà K cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T. Theo quy định tại khoản 12 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn ông Trần Văn T, bà K, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn T, Chi cục thi hành án dân sự huyện T vắng mặt lần 02 không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Nguyễn Thị Xuân T khởi kiện yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Trần Văn T, bà K với ông Huỳnh Văn T vì cho rằng việc chuyển nhượng nêu trên trong giai đoạn thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án cho bà Nguyễn Thị Xuân T. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là: “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án” theo Điều 7b của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014 và khoản 12 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[3] Về nội dung vụ án: Tháng 9 năm 2017 bà Nguyễn Thị Xuân T khởi kiện ông Trần Văn T, bà K đến Tòa án huyện Tam Nông về tranh chấp hợp đồng mua bán đòi lại số tiền mua bán còn nợ, sau đó do ông Trần Văn T, bà K không có ở địa phương nên bà Nguyễn Thị Xuân T rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Đến ngày 03/11/2017 bà Nguyễn Thị Xuân T tiếp tục gửi đơn khởi kiện đến Tòa án, ngày 05/01/2018 hai bên ký biên bản hòa giải thành, sau đó Tòa án ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 04/2018/QĐST-DS ngày 15/01/2018 thì ông Trần Văn T và bà K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền 83.475.000 đồng. Sau khi nhận Quyết định của Tòa án bà Nguyễn Thị Xuân T có đơn yêu cầu thi hành án ngày 19/01/2018, Cơ quan thi hành án dân sự huyện Tam Nông ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 486/QĐ-CCTHADS ngày 22/01/2018 cho bà Nguyễn Thị Xuân T.

Ngày 04/01/2018 ông Trần Văn T và bà K ký hợp đồng chuyển nhượng QSD đất cho ông Huỳnh Văn T tại thửa 837, tờ bản đồ số 03, diện tích 11.723 m², đất tọa lạc tại xã P, huyện T chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã P. Ngày 05/01/2018 thì hồ sơ được nộp đến bộ phận một cửa của huyện T, đến ngày 25/01/2018 thì ông Huỳnh Văn T được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Ông L là đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị Xuân T cho rằng việc chuyển nhượng của bị đơn nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án vì Tòa án ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận ngày 15/01/2018 trước khi ông Huỳnh Văn T được cấp giấy

chứng nhận QSD đất 10 ngày. Nay ông L là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Xuân T yêu cầu Tòa án huyện Tam Nông hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Trần Văn T, bà K với ông Huỳnh Văn T đối với diện tích 2.500 m² thuộc một phần thửa 837, tờ bản đồ số 03, trong tổng diện tích 11.723 m² tương đương với số tiền 83.475.000 đồng để thi hành án cho bà Nguyễn Thị Xuân T theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận ngày 15/01/2018 của Tòa án huyện Tam Nông.

Bị đơn đến nay không có văn bản ý kiến, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn T không đồng ý theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Xuân T.

Qua thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay xét thấy: Ngày 15/01/2018 Tòa án huyện Tam Nông ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Trần Văn T, bà K, sau đó bà Nguyễn Thị Xuân T có đơn yêu cầu thi hành án ngày 19/01/2018, nhưng không có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản đang tranh chấp. Đến ngày 22/01/2018 Cơ quan thi hành án dân sự huyện T ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 486/QĐ-CCTHADS cho bà Nguyễn Thị Xuân T. Ngày 22/01/2018 Cơ quan thi hành án có văn bản cung cấp thông tin đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T. Ngày 26/01/2018 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T cung cấp thông tin cho Chi cục thi hành án nội dung: “*Diện tích đất tranh chấp ông Trần Văn T, bà K thực hiện thủ tục chuyển nhượng QSD đất cho ông Huỳnh Văn T, ngày 19/01/2018 các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp thuế đến ngày 25/01/2018 anh Huỳnh Văn T đã được cấp giấy CNQSD đất*”. Tại Nghị định số: 33/2020/NĐ-CP ngày 17/03/2020 về việc sửa đổi bổ sung của Nghị định số: 62/2015/NĐ-CP ngày 18/07/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự, tại điểm a khoản 1 Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau: “*Trường hợp có giao dịch về tài sản kể từ thời điểm có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng đã hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu, sử dụng thì Chấp hành viên không kê biên tài sản mà thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 75 Luật Thi hành án dân sự*”.

Ngoài ra, tại khoản 3, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính*”. Qua thu thập chứng cứ xác định ngày 25/01/2018 là ngày anh Huỳnh Văn T đăng ký vào sổ địa chính, đối chiếu với quy định trên thì ngày 25/01/2018 hợp đồng chuyển nhượng giữa bị đơn và người liên quan có hiệu lực pháp luật, kể từ thời điểm này thửa đất tranh chấp không còn thuộc quyền sử dụng của bị đơn, trong khi đó hết ngày 25/01/2018 là ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án của bị đơn. Vì vậy Chi cục thi hành án huyện T không thể tiến hành áp dụng biện pháp kê biên tài sản là có căn cứ.

Mặc khác, ngày 05/01/2018 thì hồ sơ được nộp đến bộ phận một cửa của huyện T, đến ngày 25/01/2018 thì ông Huỳnh Văn T được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Lẽ ra, khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật ngày

15/01/2018, khi biết được phía ông Trần Văn T, bà K đang thực hiện giao dịch chuyển nhượng cho anh Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị Xuân T yêu cầu Chi cục thi hành án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm đối với tài sản đang tranh chấp nhưng bà Nguyễn Thị Xuân T chỉ làm đơn yêu cầu thi hành án mà không có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp đảm bảo đối với Người phải thi hành án là ông Trần Văn T và bà K nên Chi cục thi hành án không thể áp dụng biện pháp tạm dừng giao dịch ngay, đến khi có văn bản trả lời của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T thì các bên đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào ngày 19/01/2018 xong. Ngoài ra, qua thu thập chứng cứ xác định hồ sơ chuyển nhượng giữa bị đơn và người liên quan đã thực hiện chứng thực tại xã P vào ngày 04/01/2018 trước khi vụ án bà Nguyễn Thị Xuân T và bị đơn được giải quyết xong. Do đó, yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Trần Văn T, bà K với anh Huỳnh Văn T đối với diện tích 2.500 m² thuộc một phần thửa 837, tờ bản bản đồ số 03, trong tổng diện tích 11.723 m² để thi hành án cho bà Nguyễn Thị Xuân T là chưa có căn cứ.

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền bà Nguyễn Thị Xuân T cho rằng, tại thời điểm bà Nguyễn Thị Xuân T khởi kiện, bà Nguyễn Thị Xuân T có biết giấy CNQSD đất ông Trần Văn T đang thế chấp ở Ngân hàng nên bà Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu áp dụng biện pháp đảm bảo thi hành án. Tuy nhiên, qua thu thập chứng cứ tại Ngân hàng Nông Nghiệp huyện T xác định từ năm 2014 ông Trần Văn T, bà K có thế chấp thửa đất trên để vay tại Ngân hàng, đến năm 2015 ông Trần Văn T trả nợ và rút giấy CNQSD đất.

Đối với yêu cầu của đại diện ủy quyền của nguyên đơn đưa cơ quan cấp giấy CNQSD đất vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết. Bởi lẽ: Tại công văn số: 64/TANDTC-PC ngày 03/04/2019 về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính của Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn: “...*Khi giải quyết tranh chấp về hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất mà hợp đồng đó bị vô hiệu, nhưng người nhận chuyển nhượng đã được cấp giấy CNQSD đất hoặc đã được xác nhận nội dung biến động thì không đưa cơ quan có thẩm quyền trong việc cấp giấy tham gia tố tụng...*”.

Về quá trình sử dụng đất: Đất tranh chấp sau khi nhận chuyển nhượng anh Huỳnh Văn T cho ông Trần Văn T thuê đến nay.

Về giá đất tranh chấp: Do đây là tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án, nguyên đơn yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng QSD đất để thi hành nghĩa vụ cho nguyên đơn nên xác định đây là tranh chấp không có giá ngạch nên không cần phải định giá tài sản tranh chấp. Do đó Tòa án không định giá tài sản.

Về chi phí đo đạc đất số tiền 5.818.000đ bà Nguyễn Thị Xuân T chịu (do yêu cầu không được Tòa án chấp nhận), bà Nguyễn Thị Xuân T đã nộp xong.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nội dung và diễn biến của vụ án nên có cơ sở chấp nhận.

Từ những cơ sở trên có căn cứ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T đối với ông Trần Văn T và bà K.

Về án phí: Căn cứ Điều 48 Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Xuân T không được Tòa án chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ. Bị đơn và người liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 12 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 500, 502, 503 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;
- Điều 7b của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014;
- Điều 26 Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.
- Nghị định số: 33/2020/NĐ-CP ngày 17/03/2020 về việc sửa đổi bổ sung của Nghị định số: 62/2015/NĐ-CP ngày 18/07/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T đối với ông Trần Văn T, bà Ngô Thị K về việc yêu cầu hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông Trần Văn T, bà K với anh Huỳnh Văn T đối với diện tích 2.500 m² thuộc một phần thửa 837, tờ bản đồ số 03, trong tổng diện tích 11.723 m², đất tại xã P, huyện T do anh Huỳnh Văn T đứng tên.

2/- Về chi phí đo đạc đất số tiền là 5.818.000đ (Năm triệu tám trăm mười tám nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Xuân T chịu, bà Nguyễn Thị Xuân T đã nộp xong.

3/- Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Xuân T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Đông Cúc

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Đông Cúc

